TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án: 44/2022/HNGĐ-ST

Ngày 22 - 8 - 2022

V/v ly hôn giữa chị T và anh K

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Huy Biên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Sơn.
2. Ông Nguyễn Quốc Sửu.

- Thư ký phiên toà: Ông Ngô Văn Quang, thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Vi Văn Cảnh, Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2022/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2022/QĐXX-ST ngày 25 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thân Thị T, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn S, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang, có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn S, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tiếp theo tại Tòa án chị Thân Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn K ngày 05/3/2019, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận đi đến cuộc sống chung, vợ chồng cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay tại gia đình anh K, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng: Phát sinh khoảng đầu năm 2022, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm lối sống, không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, dẫn đến vợ chồng hay xảy ra xô sát, cãi nhau, nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ ngày 12/6/2022. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị giữ nguyên yêu cầu, đề nghị Toà án giải quyết cho chị và anh K được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con với nhau do chị không có khả năng sinh con, nhưng vợ chồng có nhận nuôi 01 con nuôi là cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 09/6/2020. Hiện tại cháu H do anh K đang nuôi dưỡng, khi vợ chồng ly thân chị đã mang theo cháu H về bên ngoại nuôi dưỡng, được một tuần sau anh K đón cháu về, chị đã ba lần đến đón con về nhưng anh K không cho đón. Vợ chồng ly hôn chị đề nghị được nuôi cháu H, không yêu cầu anh K đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, không đề nghị Tòa án giải quyết về nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, anh K nhận nuôi dưỡng con chung chị không nhất trí. Chị đủ điều kiện nuôi con ăn học đầy đủ, chị làm công nhân mức thu nhập ổn định từ 09 triệu đồng đến 12 triệu đồng/tháng

Về tài sản, công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ.

Tại bản tự khai ngày 18/7/2022 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án anh Nguyễn Văn K trình bày: Anh kết hôn với chị Thân Thị T ngày 05/3/2019 trên cơ sở tự do tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang, sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh khoảng 01 năm sau ngày cưới, tháng 9/2019 chị T đã về Tổ dân phố M, thị trấn N, huyện V sống và làm thuê, nhưng anh và chị T vẫn chung sống cùng nhau tại Tổ dân phố M, thị trấn N, vợ chồng sống ly thân từ khoảng tháng 06/2022. Ban đầu anh xác định tình cảm vẫn còn nên mong muốn đoàn tụ vợ chồng, tại phiên tòa anh xác định vợ chồng không thể hàn gắn được tình cảm, chị Thảo xin ly hôn, anh nhất trí.

Vợ chồng không có con với nhau, nhưng vợ chồng có 01 con nuôi là cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 09/6/2020. Hiện tại cháu H do anh đang nuôi dưỡng. Vợ chồng ly hôn chị T đề nghị được nuôi cháu H anh không nhất trí. Anh đề nghị được nuôi dưỡng cháu H, không đề nghị chị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, anh làm

thợ nhôm kính mức thu nhập khoảng 10 triệu đồng, anh đủ điều kiện nuôi con ăn học, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ.

Tại phiên toà chị Thân Thị T vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Nguyễn Văn K được ly hôn, chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu H, về nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con; tài sản và công nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Nguyễn Văn K nhất trí với ý kiến của chị Thảo về quan hệ hôn nhân, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Nhất trí không đề nghị Tòa án giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, không giải quyết về tài sản, công nợ vợ chồng. Anh đề nghị Tòa án giao cháu H cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chị T nhận nuôi con anh không nhất trí.

` ***Đại diệnViện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:***

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên toà, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên toà, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên toà sơ thẩm; nguyên đơn chị Thân Thị T và bị đơn anh Nguyễn Văn K thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 55; Điều 81, Điều 82, Điều 83 - Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Thân Thị T và anh Nguyễn Văn K.

Về con chung: Giao chị Thân Thị T nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 09/6/2020, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Thân Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình giữa chị Thân Thị T và anh Nguyễn Văn K, thì anh K có địa chỉ xã N, huyện T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn chị Thân Thị T, bị đơn anh Nguyễn Văn K và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thì có cơ sở xác định như sau:

Chị Thân Thị T và anh Nguyễn Văn K kết hôn ngày 5/3/2019 trên cơ sở hai bên được tự do tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận đi đến cuộc sống chung, vợ chồng tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc, vợ chồng không có con nhưng vợ chồng nhận nuôi một con nuôi, do vậy cần xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nay chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giải quyết về nuôi con nuôi, không yêu cầu Tòa án giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và tài sản, công nợ chung; Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình là đúng quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Mâu thuẫn vợ chồng: Chị T và anh K xác định mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ cuối năm 2019, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm, lối sống không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Nay chị T và anh K đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết, cuộc sống chung không thể hàn gắn được, không còn khả năng đoàn tụ, đều đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Căn cứ vào lời khai của chị Thân Thị T và anh Nguyễn Văn K, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, xét thấy tình trạng hôn nhân của chị T và anh K đã xảy ra mâu thuẫn căng thẳng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân một thời gian, không còn quan tâm đến nhau, không có quan hệ tình cảm và không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T và anh K đều đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Do vậy cần công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh K là phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Thân Thị T và anh Nguyễn Văn K không có con với nhau, nhưng hai người có nhận nuôi 01 con nuôi là cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 09/6/2020, chị T và anh K đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con và không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa Tòa chị T và anh K đều đề nghị được nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy con nuôi của chị T và anh K chưa được 36 tháng tuổi, chị T và anh K đều đề nghị được nuôi dưỡng cháu H. Nhận thấy cháu H đến ngày xét xử mới được 02 tuổi 02 tháng 10 ngày và cháu H đang do anh K nuôi dưỡng, để đảm bảo quyền và lợi ích của con trẻ trong việc giao trực tiếp người nuôi dưỡng, nhận thấy cần giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 09/6/2020 là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị T và anh K đều không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị T và anh K đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản; do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Thân Thị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 - Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Thân Thị T và anh Nguyễn Văn K.

[2] Về con chung: Giao chị Thân Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 09/6/2020, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh K có quyền thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền thăm nom con của anh K.

[3] Về tài sản; công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Thân Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí; lệ phí Tòa án số: 0011749 ngày 5/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Khoản tiền này được chuyển thành án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND tỉnh, huyện;*
- *UBND xã Ngọc Lý;*
- *Chi cục THADS huyện Tân Yên;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Huy Biên